

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 – KHỐI 7

Chương trình học tiếng Anh thông qua môn Toán và Khoa học

sử dụng bài giảng số của iSMART

Năm học 2020-2021

1. Môn tiếng Anh Toán:

Bài học	Nội dung ôn tập	
	Nội dung kiến thức	Từ vựng, cấu trúc
Unit 2 – Lines and Angles Lesson 1: Lines <i>Bài 1: Đường thẳng</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm của các đường thẳng song song và các đường thẳng vuông góc - Nắm được khái niệm của hai góc đối đỉnh, góc bẹt và góc vuông 	<ul style="list-style-type: none"> - ... is a straight angle. - ... is a right angle. - ... are vertically opposite angles. <p>parallel lines, perpendicular lines, vertically opposite angles, straight angle, right angle <i>đường thẳng song song, đường thẳng vuông góc, góc đối đỉnh, góc bẹt, góc vuông</i></p>
Unit 2 – Lines and Angles Lesson 2: Angles <i>Bài 2: Góc</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các khái niệm và mối quan hệ giữa các góc: góc so le, góc đồng vị, góc trong cùng phía, góc kề, góc phụ và góc bù 	<ul style="list-style-type: none"> - ... are alternate / corresponding / co-interior / adjacent / complementary / supplementary angles. <p>alternate, corresponding, co-interior, adjacent, complementary, supplementary angles <i>góc so le, góc đồng vị, góc trong cùng phía, góc kề, góc phụ, góc bù</i></p>
Unit 3 – Triangles Lesson 1: Types of triangles <i>Bài 1: Các loại hình tam giác</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được khái niệm của các loại hình tam giác khác nhau: tam giác đều, tam giác cân, tam giác thường, tam giác vuông, tam giác nhọn, tam giác tù - Hiểu được khái niệm và mối quan hệ giữa góc trong và góc ngoài của một hình tam giác 	<ul style="list-style-type: none"> - ... is a(n) equilateral / isosceles / scalene / right / acute / obtuse triangle. - ... is an interior / exterior angle of triangle ... <p>equilateral triangle, isosceles triangle, scalene triangle, right triangle, acute triangle, obtuse triangle, interior angle, exterior angle, non-adjacent angle <i>tam giác đều, tam giác cân, tam giác thường, tam giác vuông, tam giác nhọn, tam giác tù, góc trong, góc ngoài, góc không liền kề</i></p>
Unit 3 – Triangles	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm của các tam 	<ul style="list-style-type: none"> - ... are congruent triangles because of ... rule.

<p>Lesson 2 – Congruent triangles</p> <p>Bài 2: Tam giác bằng nhau</p>	<p>giác bằng nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các trường hợp bằng nhau của tam giác 	<p>congruent, side-side-side, side-angle side, angle-side-angle, hypotenuse-side bằng nhau, cạnh-cạnh-cạnh, cạnh-góc cạnh, góc-cạnh-góc, cạnh huyền-cạnh góc vuông</p>
<p>Unit 4 – Proportionality</p> <p>Chương 4: Tỷ lệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm về tỉ lệ thuận và tỉ lệ nghịch - Hiểu được khái niệm hệ số tỉ lệ 	<ul style="list-style-type: none"> - ... is directly / inversely proportional to ... with respect to proportionality constant ... <p>directly, inversely, proportion, proportionality constant</p> <p>tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch, tỉ lệ, hệ số tỉ lệ</p>

2. Môn tiếng Anh Khoa học:

<p>Bài học</p>	<p>Nội dung ôn tập</p>	
	<p>Nội dung kiến thức</p>	<p>Từ vựng, cấu trúc</p>
<p>Unit 2 – Animals and plants</p> <p>Lesson 3: Plant adaptations</p> <p>Bài 3: Sự thích nghi của thực vật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được sự khác biệt thông thường giữa thực vật và động vật - Ôn tập lại những thành phần khác nhau cấu tạo nên tế bào thực vật và động vật 	<p>plants, animals, stationary, starch, organic nutrient, photosynthesis, carbon dioxide, fat, glycogen, oxygen, xylem, phloem, blood vessel, consume, chloroplast</p> <p>thực vật, động vật, đứng im, tinh bột, chất dinh dưỡng hữu cơ, quang hợp, khí cac-bô-níc, chất béo, chất gli-cô-gien, khí oxi, mạch gỗ, mạch rây, mạch máu, hấp thụ, lục lạp</p>
<p>Unit 3 – Mirror</p> <p>Lesson 1: Convex mirror</p> <p>Bài 1: Gương cầu lồi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học về gương cầu lồi và hiểu được ứng dụng của chúng trong đời sống - Miêu tả được ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi 	<p>convex mirror, virtual image, principal axis, “F” focal point, “C” centre of curvature, outward</p> <p>gương cầu lồi, ảnh ảo, trực chính, tiêu điểm F, tâm của gương cầu C, hướng ra ngoài</p>
<p>Unit 3 – Mirror</p> <p>Lesson 2: Concave mirror</p> <p>Bài 2: Gương cầu lõm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học về gương cầu lõm và cách hoạt động - Miêu tả được ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lõm 	<p>concave mirror, principal axis, virtual image, real image, “F” focal point, “C” centre of curvature, inward, beam</p> <p>gương cầu lõm, trực chính, ảnh ảo, ảnh thực, tiêu điểm F, tâm của gương cầu C, hướng vào, chùm tia</p>

<p>Unit 4 – Diversity of animal world Lesson 1: Insects Bài 1: Côn trùng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học về vòng đời cơ bản của côn trùng - Kể tên được một số loài côn trùng phổ biến - Biết được một số đặc tính của côn trùng 	<p>insect, life cycle, egg, nymph, adult, mosquito, fruit fly, bee, ant, cockroach, grasshopper, aerate, pollinate, edible côn trùng, vòng đời, trứng, nhộng, trưởng thành, muỗi, ruồi giấm, ong, kiến, gián, châu chấu, làm thoáng khí, thụ phấn, ăn được</p>
<p>Unit 4 – Diversity of animal world Lesson 2: Fish Bài 2: Cá</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học về các bộ phận cơ bản của cá - Hiểu được chức năng của các bộ phận của cá 	<p>eye, mouth, fin, scale, gill, tail fin, freshwater, goldfish, catfish, saltwater, shark, tuna mắt, miệng, vây cá, vảy cá, mang cá, vây đuôi, nước ngọt, cá vàng, cá trê, nước mặn, cá mập, cá ngừ</p>

PHÒNG ĐÀO TẠO ISMART